

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 322/2020/DS-PT

Ngày: 03-9- 2020

V/v tranh chấp: “Tài sản thuộc
sở hữu chung-Di sản thừa kế”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Văn Đạt**

Các Thẩm phán: Ông **Huỳnh Hiếu**

Bà **Trần Thị Kim Em**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thúy PH** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà **Lê Thị Thắm** - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 28 tháng 8 và ngày 03 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 249/2020/TLPT-DS ngày 29 tháng 4 năm 2020 về tranh chấp “*Chia tài sản thuộc sở hữu chung và tranh chấp di sản thừa kế*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 130/2019/DS-ST ngày 28 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 331/2020/QĐ-PT ngày 25 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị B**, sinh năm 1953.

Địa chỉ: số 65, đường Đ, khu phố 10, Phường 6, thành phố M, tỉnh T.

Người đại diện theo ủy quyền: Anh **Phan Thanh S**, sinh năm 1978 (Có mặt).

Địa chỉ: số 116, đường Lý Thường Kiệt, Phường X, thành phố M, tỉnh T, theo giấy ủy quyền công chứng số 4251 ngày 19/9/2017.

- Bị đơn:

1. Anh **Võ Minh H**, sinh năm 1965 (Xin vắng mặt).

2. Anh **Võ Minh D**, sinh năm 1966 (Xin vắng mặt).

3. Anh **Võ Minh P**, sinh năm 1968 (Xin vắng mặt)..

4. Anh Võ Minh PH, sinh năm 1971 (có mặt).

Cùng địa chỉ: số 27/6, đường Lê Thị Hồng Gấm, Phường 4, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

5. Chị Võ Thị Ngọc L, sinh năm 1970 (Xin vắng mặt)..

Địa chỉ: số 65, đường Đ, khu phố 10, Phường 6, thành phố M, tỉnh T.

Chỗ ở hiện tại: số 117/11A, đường Lê Thị H, Phường X, thành phố M, tỉnh T.

6. Chị Võ Thị Ngọc M, sinh năm 1985 (Xin vắng mặt).

Địa chỉ: số 65, đường Đ, khu phố 10, Phường 6, thành phố M, tỉnh T.

7. Anh Võ Minh TR, sinh năm 1978 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: số 89B, đường Bà H, Phường X, Quận Y, Thành Phố H.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn Võ Minh PH.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm, người đại diện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị B là anh Phan Thanh S trình bày:

Bà Nguyễn Thị B và ông Võ Minh S chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy Bn nhân dân phường 4, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang vào năm 1998.

Trong quá trình chung sống ông S và bà B có tạo lập được khối tài sản chung là phần đất thuộc thửa 314 tờ bản đồ số 19 tại địa chỉ: số B12, đường Trần Ngọc G, phường X, thành phố M, tỉnh T (nay là số 65 đường Đỗ Quang, Phường 6, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang), diện tích 84,2m², đất ở đô thị, trên đất có 01 căn nhà.

Năm 2015 thì ông S chết, nhà đất tại số 65 đường Đ, phường 6, thành phố M, tỉnh T hiện do bà B đang quản lý và sử dụng. Hàng thừa kế thứ nhất của ông S gồm: Bà Nguyễn Thị B, anh Võ Minh H, anh Võ Minh D, anh Võ Minh P, chị Võ Thị Ngọc L, anh Võ Minh PH, chị Võ Thị Ngọc M, anh Võ Minh TR.

Nay bà B yêu cầu xác định nhà đất tại số 65 đường Đ, phường 6, thành phố M là tài sản chung của bà B và ông S. Bà B yêu cầu chia cho bà ½ nhà đất nêu trên.

Đối với ½ nhà đất của ông S bà B yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật, bà B yêu cầu nhận ½ phần nhà đất của ông S. Tổng cộng bà B yêu cầu được nhận ¾ nhà đất tại số 65 đường Đỗ Quang, Phường 6, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang, bà B yêu cầu được nhận bằng giá trị, bà đồng ý bán nhà, đất chia có đồng thừa kế.

Bị đơn anh Võ Minh PH và chị Võ Thị Ngọc L trình bày:

Phần đất thuộc thửa 314 tờ bản đồ số 19, địa chỉ; B12, Trần Ngọc G, phường X, thành phố M, tỉnh T, diện tích 84,2m², đất ở đô thị và căn nhà trên đất có nguồn gốc là của cha anh, chị hoán đổi từ căn nhà ở Bờ kè (do giải tỏa) và phần tiền đền bù do giải tỏa căn nhà ở bờ kè được dùng để xây dựng căn nhà trên thửa đất nêu trên. Do đó toàn bộ nhà và đất tranh chấp là của ông Võ Minh S để lại chứ không phải là tài sản chung của ông S và bà B, nếu chia thì bà B chỉ được nhận 1 phần bằng kỹ phần thừa kế của anh, chị và những người cùng hàng thừa kế.

Ông Võ Minh S chết có 07 người con là: anh Võ Minh H, anh Võ Minh D, anh Võ Minh P, chị Võ Thị Ngọc L, anh Võ Minh PH, chị Võ Thị Ngọc M, anh Võ Minh TR.

Bị đơn anh Võ Minh TR trình bày: Nhà và đất tại thửa số 314, tờ bản đồ số 19, tọa lạc tại số B12, đường Trần Ngọc G, phường X, thành phố M, tỉnh T có phải là tài sản riêng của ông Võ Minh S chết để lại hay không thì anh không nắm rõ, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Đối với yêu cầu chia thừa kế của bà Nguyễn Thị B thì anh không có ý kiến gì và không yêu cầu nhận di sản.

Tại Bản án dân sự thẩm số 130/2019/DS-ST ngày 28 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang đã áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 207, 208, 213 và các Điều 609, 612, 615, 624, 628, 630, 631 Bộ luật dân sự năm 2015 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị B yêu cầu chia ½ tài sản chung là nhà và đất của bà B và ông Võ Minh S tại số B12, đường Trần Ngọc G, phường X, thành phố M, tỉnh T (nay là số 65 đường Đỗ Quang, Phường 6, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang)

- Giao bà Nguyễn Thị B được toàn quyền quản lý, sử dụng phần đất thuộc thửa 314 tờ bản đồ số 19 tại số B12, đường Trần Ngọc G, phường X, thành phố M, tỉnh T (nay là số 65 đường Đỗ Quang, Phường 6, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang), diện tích 84,2m², đất ở đô thị và 01 căn nhà trên đất diện tích 70,0 m² kết cấu mái btct, khung btct, vách tường, nền gạch, hạng cấp IV, số tầng 01 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 02314 do Ủy Bn nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 10/10/2013 cho ông Võ Minh S đứng tên.

- Bà B có nghĩa vụ hoàn lại ½ giá trị nhà và đất cho chị Võ Thị Ngọc M người thừa kế theo di chúc của ông Võ Minh S số tiền 643.334.900 (sáu trăm bốn mươi B triệu, B trăm B mươi bốn nghìn, chín trăm) đồng.

- Do đất còn nợ tiền sử dụng đất do Nhà nước giao đất tái định cư diện tích đất 84,2m² theo hồ sơ gốc số 2412 ngày 23/5/2013 của Chi cục thuế thành phố Mỹ Tho nên bà B và chị M mỗi người phải có nghĩa vụ nộp ½ tiền nợ thuế theo qui định pháp luật.

Kể từ ngày chị M có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà B chậm thi hành số tiền trên thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị B đối với yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Võ Minh S.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 02/12/2019, bị đơn anh Võ Minh PH có đơn kháng cáo với nội dung yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang: Cải sửa toàn bộ bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang, công nhận tài sản nêu trên là tài sản chung của cha tôi là ông Võ Minh S với mẹ tôi là bà Nguyễn Thị Ngọc có trước khi B tôi kết hôn với bà Nguyễn Thị B để tôi và thành viên còn lại trong gia đình được hưởng di sản thừa kế của mẹ tôi bà Nguyễn Thị Ngọc chết để lại.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang: Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm; Về nội dung vụ án: Căn cứ tài liệu thu thập có trong hồ sơ, xuất phát từ căn nhà số 22/8 Lê thị Hồng Gấm là của cụ S, nên mới được cấp đất tái định cư tại số 65 đường Đỗ Quang (hiện các đương sự đang tranh chấp). Xét bản án sơ thẩm đã xét xử cho rằng phần đất là tài sản chung của cụ S và bà B là chưa có cơ sở vững chắc. Tài liệu thu thập có cơ sở xác định là đất của cụ S. Đối với căn nhà trên đất là tài sản của cụ S và bà B. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng xác định đất là tài sản của cụ S, nhà trên đất là tài sản chung của Cụ S và bà B, đồng thời chia tài sản chung theo qui định.

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nội dung yêu cầu kháng cáo của anh Võ Minh PH, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tòa án sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp “Chia tài sản thuộc sở hữu chung và tranh chấp di sản thừa kế” là có căn cứ, đúng pháp luật.

Đối với các đương sự Võ Minh H, Võ Minh D, Võ Minh P, Võ Thị Ngọc L, Võ Thị Ngọc M và Võ Minh TR có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét

xử tiên hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự nêu trên theo qui định tại khoản 3 Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Theo tài liệu thu thập có trong hồ sơ và lời trình bày của các đương sự thể hiện như sau: Cụ Võ Minh S, sinh năm 1944(chết ngày 27/3/2015) và cụ Nguyễn Thị Ngọc là vợ chồng có các con chung gồm: Võ Minh PH, Võ Minh H, Võ Minh D, Võ Minh P, Võ Thị Ngọc L, Võ Thị Ngọc M và Võ Minh TR. Năm 1996 cụ Ngọc chết, cụ S kết hôn với bà Nguyễn Thị B (nguyên đơn) vào năm 1998 có đăng ký kết hôn và được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo qui định của pháp luật. Ngày 27/03/2015 cụ S chết, tài sản tranh chấp là phần đất tại thửa đất số 314, tờ bản đồ số 19, diện tích 84,2m², mục đích sử dụng: Đất ở đô thị trên đất có căn nhà, diện tích xây dựng 70m², kết cấu mái btct, khung btct, vách tường nền gạch, năm hoàn thành xây dựng 2013, nhà và đất do ông Võ Minh S đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở số CH02314 ngày 10/10/2013, nhà và đất tại số B12 –KDC Trần Ngọc Giải, phường 6, Thành phố Mỹ Tho, Tiền Giang, giấy này có ghi chú “*Nợ tiền sử dụng đất do nhà nước giao đất tái định cư diện tích 84,2m² theo hồ sơ gốc số 2412 ngày 23/5/2013 của Chi cục thuế thành phố Mỹ Tho*”. Bà B khởi kiện yêu cầu tòa án xác định nhà, đất nêu trên là tài sản chung của bà B và cụ S có trong thời kỳ hôn nhân, bà B yêu cầu chia 50% trị giá nhà đất, còn lại 50% thì bà B yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ S theo pháp luật. Quá trình tòa án sơ thẩm thu thập chứng cứ và xét xử thì tại phiên tòa sơ thẩm bà B đã rút yêu cầu chia di sản thừa kế. Các bị đơn cùng vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, chị Võ Thị Ngọc M có cung cấp 01 tờ di chúc của cụ S có chứng thực với nội dung “ sau khi tôi qua đời, con gái tôi là: bà Võ Thị Ngọc M ... được thừa kế phần tài sản thuộc quyền sở hữu, sử dụng của tôi tại nhà số B12 Trần Ngọc Giải, phường 6, Thành phố Mỹ Tho ,Tiền Giang (có giấy tờ nêu trên)...”. Sau khi tòa án sơ thẩm xét xử thì anh Võ Minh PH đã kháng cáo bản án sơ thẩm.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của anh PH: Hội đồng xét xử thấy rằng, cụ S và cụ Ngọc là vợ chồng và có 07 người con chung đều là bị đơn trong vụ án. Năm 1996 cụ Ngọc qua đời, năm 1998 cụ S kết hôn với bà Nguyễn Thị B, hai người chung sống đến năm 2015 cụ S chết, cụ S và bà B không có con chung, vấn đề này được đại diện ủy quyền của bà B và anh PH thừa nhận tại phiên tòa. Xét nội dung bản án sơ thẩm xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị B yêu cầu chia ½ tài sản chung là nhà và đất của bà B và ông Võ Minh S tại số B12, đường Trần Ngọc G, phường X, thành phố M, tỉnh T (nay là số 65 đường Đỗ Quang, Phường 6, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang) ; Giao bà Nguyễn Thị B được toàn quyền quản lý, sử dụng phần đất thuộc thửa 314 tờ bản đồ số 19 tại số B12, đường Trần Ngọc G, phường X, thành phố M, tỉnh T (nay là số 65 đường Đỗ Quang, Phường 6, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang), diện tích 84,2m², đất ở đô thị và 01 căn nhà trên đất diện tích 70,0 m² kết cấu mái btct, khung btct, vách tường, nền gạch, hạng cấp IV, số tầng 01 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

số CH 02314 do Ủy Bn nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 10/10/2013 cho ông Võ Minh S đứng tên; Bà B có nghĩa vụ hoàn lại ½ giá trị nhà và đất cho chị Võ Thị Ngọc M người thừa kế theo di chúc của ông Võ Minh S số tiền 643.334.900 (sáu trăm bốn mươi B triệu, B trăm B mươi bốn nghìn, chín trăm đồng). Xét thấy, tòa án sơ thẩm xét xử như trên nhưng không thu thập hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở do Cụ S đứng tên mà nhận định cho rằng tài sản trên là của cụ S và bà B tạo lập trong thời kỳ hôn nhân là chưa có cơ sở vững chắc. Bởi lẽ, căn cứ tài liệu chứng cứ mà tòa án phúc thẩm thu thập theo yêu cầu của anh PH thể hiện như sau:

[3.1] Phần đất thuộc thửa đất số 314 tờ bản đồ số 19 tại số B12, đường Trần Ngọc G, phường X, thành phố M, tỉnh T (nay là số 65 đường Đỗ Quang, Phường 6, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang), diện tích 84,2m², đất ở đô thị. Theo tài liệu chứng cứ do tòa án phúc thẩm thu thập thì phần đất này cụ Võ Minh S được giao đất theo quyết định số 1574/QĐ-UBND ngày 01/4/2013 của Ủy Bn nhân dân thành phố Mỹ Tho là giao đất cho Cụ S để sử dụng vào mục đích đất ở dưới hình thức giao đất có thu tiền sử dụng đất. Căn cứ để Bn hành quyết định này là theo quyết định số 5655/QĐ-UBND ngày 06/12/2012 Của Ủy Bn nhân dân thành phố Mỹ Tho về việc phê duyệt PH án tái định cư khu dân cư kênh Xáng Cụt, phường 6, Thành phố Mỹ Tho. Như vậy đã có cơ sở xác định, cụ S được giao đất là trên cơ sở căn nhà của cụ S tại số 22/8 Lê Thị Hồng Gấm, phường 4, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang bị giải tỏa và được cấp lại nền nhà tái định cư có thu tiền sử dụng đất (hiện còn nợ tiền sử dụng đất 378.900.000đồng), Nguồn gốc của căn nhà số 22/8 Lê Thị Hồng Gấm, phường 4, thành phố Mỹ Tho là của Cụ S trong thời kỳ hôn nhân với cụ Nguyễn Thị Ngọc (mẹ ruột của các bị đơn). Đơn xin cấp đất và xin nợ tiền sử dụng đất do cụ S đứng tên có xác nhận của trưởng khu phố Dương Anh Tuấn xác nhận “... Ô.Võ Minh S TT22/8 Lê Thị Hồng Gấm NP 11 F4 thuộc hộ giải tỏa bờ kè hiện kinh tế gia đình gặp khó khăn theo đơn là đúng ..” . Cho nên đã có đủ cơ sở xác định phần đất số 314 tờ bản đồ số 19 tại số B12, đường Trần Ngọc G, phường X, thành phố M, tỉnh T (nay là số 65 đường Đỗ Quang, Phường 6, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang) là tài sản của cụ Võ Minh S, cụ S được cấp đất là do nhà bị giải tỏa và cấp nền tái định cư, hiện còn nợ tiền sử dụng đất. Thời gian Cụ S sinh sống tại nhà số 22/8 Lê Thị Hồng Gấm, phường 4 Thành phố Mỹ Tho bị giải tỏa không phải là tài sản chung của Cụ S và bà B. Năm 2015 cụ S chết, nên phần đất này trở thành di sản thừa kế của cụ S. Hàng thừa kế thứ nhất của cụ Võ Minh S gồm có bà Nguyễn Thị B và các con của cụ S gồm: Võ Minh PH, Võ Minh H, Võ Minh D, Võ Minh P, Võ Thị Ngọc L, Võ Thị Ngọc M và Võ Minh TR.

[3.2] Đối với căn nhà trên đất: diện tích xây dựng 70m², kết cấu mái btct, khung btct, vách tường nền gạch, năm hoàn thành xây dựng 2013. Tài liệu chứng cứ tòa án phúc thẩm thu thập thể hiện, Ngày 13/6/2013 cụ S được cấp giấy chứng

nhận quyền sử dụng đất số CH 02141 với thửa đất 314, diện tích 84,2m², đất ở đô thị, về nhà ở, chưa được cấp giấy. Đến ngày 10/10/2013 thì cụ Võ Minh S được cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH02314, nội dung tờ giấy này có thể hiện Nhà ở: Địa chỉ B12 –KDC Trần Ngọc Giải –Phường 6-TP Mỹ Tho –tỉnh Tiền Giang. Diện tích xây dựng 70m², kết cấu mái btct, khung btct, vách tường nền gạch, năm hoàn thành xây dựng 2013. Đối với căn nhà này đại diện nguyên đơn (Bà B) cho rằng căn nhà này do bà B bỏ tiền ra xây dựng, nguyên đơn chứng minh bằng giấy xác nhận của người làm chứng là ông Lê Văn Mỹ (cháu cụ S) là thợ xây dựng nhà và bà Võ Thị Em (em ruột cụ S) xác nhận nhà do bà B bỏ tiền ra xây dựng. Anh PH (bị đơn) cho rằng khi nhận tiền giải tỏa nhà tại số 22/8 Lê Thị Hồng Gấm với số tiền 181.388.293 đồng, cụ S nhận số tiền này dùng để cất nhà, anh PH cung cấp được hồ sơ đề bù giải tỏa trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm. Ngoài ra các đương sự không còn chứng cứ nào khác để chứng minh căn nhà hiện đang tranh chấp thuộc sở hữu của ai. Xét thấy, căn nhà này được các bên thừa nhận xây dựng vào năm 2013 và được cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu năm 2013 do cụ S đứng tên, đây là tài sản phát sinh trong thời kỳ hôn nhân của cụ S và bà B. Cho nên, căn cứ theo khoản 3 Điều 33 của luật hôn nhân và gia đình thì căn nhà ở: Địa chỉ B12 –KDC Trần Ngọc Giải –Phường 6 - TP Mỹ Tho – tỉnh Tiền Giang. Diện tích xây dựng 70m², kết cấu mái btct, khung btct, vách tường nền gạch, năm hoàn thành xây dựng 2013 là tài sản chung của cụ S và bà B. Xét yêu cầu khởi kiện của bà B yêu cầu xác định 50% là tài sản của bà, 50% là tài sản của cụ S, nay trở thành di sản thừa kế là có căn cứ, đúng pháp luật. Căn cứ biên bản định giá ngày 07/6/2019 (bút lục số 125, đến 129) của Tòa án cấp sơ thẩm thực hiện có nhiều sai sót về số liệu do tính toán sai như sau:

- Giá đất ở: diện tích 84,2m² x 4.500.000đồng/m² = 378.900.000đồng, Tòa sơ thẩm tính đúng.

- Về nhà: Đơn giá 3.420.000đồng/m², nền lát gạch ceramic nền tầng 170.000đồng/m². Thành tiền 70m² x (3.420.000đồng /m² + 170.000đồng/m²) = 251.300.000đồng, nhưng tòa án sơ thẩm tính ra kết quả 902.167.000đồng là không chính xác. Tòa án phúc thẩm tính lại theo số đúng là 251.300.000đồng

- Cổng rào: diện tích 2,2m x 4,5m = 9,9m², đơn giá 1.700.000đồng/m², thành tiền 9,9m² x 1.700.000đồng/m² = 16.830.000đồng mới chính xác, nhưng tòa án sơ thẩm ra kết quả 1.683.000đồng là không đúng. Tòa án phúc thẩm tính lại theo số đúng là 16.830.000đồng.

- Hàng rào: diện tích (3,09m + 3,25m) x 1,7m = 10,77m², đơn giá 370.000đồng/m², Thành tiền: 10,77 x 370.000đồng/m² = 3.984.900đồng, Tòa sơ thẩm tính đúng.

Như vậy, trị giá căn nhà, công rào và hàng rào có trên đất trị giá chung bằng tiền: 251.300.000đồng + 16.830.000đồng + 3.984.900đồng = **272.114.900đồng** là tài sản chung của cụ S và bà B có được trong thời kỳ hôn nhân. Bà B được sở hữu 50% tương đương số tiền 136.057.450đồng, phần 50% còn lại tương đương số tiền 136.057.450 đồng là di sản thừa kế của cụ S chết để lại cùng với quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 314 tờ bản đồ số 19 tại số B12, đường Trần Ngọc G, phường X, thành phố M, tỉnh T (nay là số 65 đường Đỗ Quang, Phường 6, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang), diện tích 84,2m², đất ở đô thị. Quá trình tòa án sơ thẩm giải quyết vụ án, Nguyên đơn đã rút yêu cầu khởi kiện tranh chấp di sản thừa kế, tòa án sơ thẩm đã đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu này là phù hợp. Tuy nhiên, tòa sơ thẩm lại đánh giá chứng cứ là tờ di chúc của chị Võ Thị Ngọc M cung cấp, mặc dù chị M và các đương sự còn lại đều không có yêu cầu phản tố nhưng tòa án cấp sơ thẩm lại xét xử giao nhà và đất tranh chấp cho nguyên đơn và buộc nguyên đơn hoàn trả giá trị (di sản thừa kế của cụ S) cho chị M là không phù hợp. Bởi lẽ, các đương sự không tranh chấp di sản thừa kế của cụ S thì khối di sản này phải giao cho các đồng thừa kế của cụ S quản lý và sử dụng, các đương sự được quyền tự thỏa thuận phân chia hoặc tranh chấp với nhau bằng vụ án dân sự khác. Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cũng thừa nhận, sau khi xét xử sơ thẩm bà B (nguyên đơn) bị bệnh về nhà con ruột tại phường 2, Thành Phố Mỹ Tho sinh sống và chữa bệnh, căn nhà tranh chấp bên gia đình anh PH quản lý. Do đó, như đã nhận định trên Hội đồng xét xử phúc thẩm xác định phần đất là di sản của cụ S, nhà trên đất là tài sản chung của cụ S và bà B. Cho nên, cần giao nhà đất nêu trên cho các bị đơn tiếp tục quản lý, sử dụng và hoàn trả giá trị căn nhà 50%) cho bà B là phù hợp với thực tế, cũng như việc khai thác và sử dụng quyền sử dụng đất của Cụ S để lại đồng thời thực hiện nghĩa vụ tài chính với nhà nước đối với diện tích đất này.

[4] Từ những căn cứ và phân tích như trên, xét yêu cầu kháng cáo của anh Võ Minh PH là có cơ sở một phần, sửa bản án sơ thẩm số 130/2019/DS-ST ngày 28/11/2019 của Tòa án nhân dân Thành Phố Mỹ Tho. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị B theo hướng xác định căn nhà trên đất là tài sản chung của cụ S và bà B, mỗi người được chia 50%. Riêng phần đất tranh chấp là di sản thừa kế của cụ S, các bên không tranh chấp thừa kế nên không đặt ra xem xét. Những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ S phải chịu trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài chính là tiền sử dụng đất tương ứng với số diện tích đất được thừa hưởng từ di sản của cụ S.

[5] Về án phí phúc thẩm: Do sửa án sơ thẩm nên anh Võ Minh PH không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm sẽ được hoàn trả lại. Bà B là người cao tuổi nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Các bị

đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (do chưa giải quyết phần di sản thừa kế)

[6] Xét lời đề nghị của kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 296, khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 205, 207, 208, 213, 218, 219 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 ;

Căn cứ điều 166, 167 của Luật đất đai;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của Bị đơn Võ Minh PH; Sửa một phần bản án sơ thẩm số 130/2019/DS-ST ngày 28/11/019 của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị B.

- Xác nhận căn nhà ở: Địa chỉ B12 –KDC Trần Ngọc Giải –Phường 6-TP Mỹ Tho –tỉnh Tiền Giang (nay là số 65 Đỗ Quang , khu phố 10 , phường 6, thành phố Mỹ Tho). Diện tích xây dựng 70m², kết cấu tole, vách tường , nền gạch men, có khu phụ, gắn liền với cổng rào có kết cấu trụ bê tông cốt thép ốp gạch ceramic, cửa cổng bằng tole +song sắt, diện tích 9,9m² và hàng rào khung sắt lưới B40 diện tích 10,77m² do cụ Võ Minh S đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở số CH 02314 ngày 10/10/2013, trị giá chung bằng tiền **272.114.900đồng** là tài sản chung của cụ S và bà B có được trong thời kỳ hôn nhân. Trong đó 50% thuộc sở hữu của bà Nguyễn Thị B tương đương 136.057.450đồng, còn lại 50%, tương đương số tiền 136.057.450 đồng là tài sản của cụ Võ Minh S (nay là di sản thừa kế của cụ S).

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị B đòi xác định phần đất tại thửa đất số 314 tờ bản đồ số 19 tại số B12, đường Trần Ngọc G, phường X, thành phố M, tỉnh T (nay là số 65 đường Đỗ Quang, Phường 6, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang), diện tích 84,2m², đất ở đô thị do cụ Võ Minh S đứng tên quyền sử dụng đất là tài sản chung của cụ Võ Minh S và bà Nguyễn Thị B.

4. Giao cho các bị đơn gồm Võ Minh PH, Võ Minh H, Võ Minh D, Võ Minh P, Võ Thị Ngọc L, Võ Thị Ngọc M và Võ Minh TR tiếp tục quản lý, sử dụng phần đất thuộc thửa 314 tờ bản đồ số 19 tại số B12, đường Trần Ngọc G, phường X,

thành phố M, tỉnh T (nay là số 65 đường Đỗ Quang, Phường 6, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang), diện tích 84,2m², đất ở đô thị và 01 căn nhà trên đất diện tích 70,0 m² kết cấu mái btct, khung btct, vách tường, nền gạch, hạng cấp IV, số tầng 01 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 02314 do Ủy Bn nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 10/10/2013 cho cụ Võ Minh S đứng tên.

5. Buộc các bị đơn gồm Võ Minh PH, Võ Minh H, Võ Minh D, Võ Minh P, Võ Thị Ngọc L, Võ Thị Ngọc M và Võ Minh TR cùng chịu trách nhiệm hoàn trả cho bà Nguyễn Thị B số tiền 136.057.450 đồng là trị giá tài sản của bà B sở hữu chung với cụ Võ Minh S, thực hiện ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày Kể từ ngày bà Nguyễn Thị B có đơn yêu cầu thi hành án đối với phần tiền cho đến khi thi hành án xong tất cả khoản tiền nêu trên. Nếu anh PH, anh H, anh D, anh P, chị L, chị M và anh TR chậm thi hành thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

6. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị B đối với việc yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Võ Minh S (Do bà B rút yêu cầu).

7. Về án phí:

- Bà Nguyễn Thị B không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, nên được hoàn lại số tiền 7.500.000 đồng tạm ứng án phí do bà B nộp theo biên lai thu số 0012207 ngày 08/3/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

- Các bị đơn gồm Võ Minh PH, Võ Minh H, Võ Minh D, Võ Minh P, Võ Thị Ngọc L, Võ Thị Ngọc M và Võ Minh TR không phải chịu án dân sự sơ thẩm (do chưa giải quyết di sản thừa kế). Hoàn lại anh Võ Minh PH số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí do anh PH nộp theo biên lai thu số 0000608 ngày 02/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên án công khai lúc 08 giờ 30 phút, ngày 03/9/2020.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP.HCM;
- Viện kiểm sát ND tỉnh TG;
- TAND TP Mỹ Tho;
- Chi cục THADS TP Mỹ Tho;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Đạt